

Số: 87/2019/QĐST-HNGĐ

Hàm Thuận Bắc, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 85/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Đinh Minh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Chị Đỗ Thị Hồng X, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 115, Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 03 tháng 4 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Đinh Minh T và chị Đỗ Thị Hồng X.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Khi ly hôn, anh T và chị X thỏa thuận với nhau về việc giải quyết con chung như sau:

- Về nuôi con:

Chị X được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đinh Hoàng K, sinh ngày 27/9/2017.

Anh T, chị X có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; anh T có quyền thăm nom con chung.

- Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con tên Đinh Hoàng K, sinh ngày 27/9/2017 cho chị X với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đã thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau: Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm. Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm. Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về tài sản chung: Anh T, chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh T, chị X xác định không có nợ chung.

Về án phí:

Anh Đinh Minh T tự nguyện thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Anh T đã nộp đủ 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0026444 ngày 27/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc nên không phải nộp nữa.

Chị Đỗ Thị Hồng X không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện HTB;
- UBND nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hà Văn Hơn